

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	Số: 42/BC-UBND
ĐẾN	Số: 2119
	Ngày: 01/3/2019
Chuyển:	Kết
Lưu hồ sơ số:	

Châu Thành, ngày 28 tháng 02 năm 2019

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I năm 2019 huyện Châu Thành

Thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 14/01/2019 của UBND huyện Châu Thành về việc triển khai công tác cải cách hành chính năm 2019 huyện Châu Thành,

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2019, cụ thể như sau:

#### 1. Công tác chỉ đạo điều hành

Trong Quý I năm 2019, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 14/01/2019 về việc triển khai công tác cải cách hành chính năm 2019 huyện Châu Thành. Trong đó giao 21 nhiệm vụ cụ thể trong năm cho từng cơ quan chuyên môn, các đơn vị thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện cũng đã ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công vụ, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính. Bên cạnh đó, để thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm, UBND huyện cũng đã ban hành văn bản thống nhất cho cơ quan chuyên môn lắp đặt bản pano tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 tại trụ sở UBND các xã, thị trấn và Công văn đồng ý cho phép in ấn tờ rơi tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 để tuyên truyền đến người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

#### 2. Kết quả thực hiện

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019, Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Châu Thành, Kế hoạch triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Châu Thành và Kế hoạch rà soát, văn bản quy phạm pháp luật.

Huyện cũng đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2019. Kế hoạch triển khai thực hiện đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn huyện Châu Thành. (Đính kèm Biểu mẫu báo cáo chi tiết)

#### 3. Phương hướng thời gian tới

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, 9 tháng cuối năm 2019 tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục triển khai, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/6/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Quán triệt nghiêm túc các kết luận, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường kỉ luật, kỉ cương hành chính. Chú trọng, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện.

- Tiếp tục triển khai một cách toàn diện các nội dung cải cách hành chính theo Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/6/2014 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về đẩy mạnh cải cách hành chính và Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020 đảm bảo hoàn thành có chất lượng các mục tiêu của Nghị quyết Tỉnh ủy, Chương trình hành động và Kế hoạch UBND tỉnh đã đề ra.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII và Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” của huyện theo đúng thời gian và lộ trình đề ra.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp của nhà nước. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kịp thời chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Tỉnh, Bộ ngành Trung ương. Thực hiện tốt quy định phân công, phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính. Rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan tới người dân, doanh nghiệp; công khai, minh bạch, cập nhật thủ tục hành chính kịp thời, đúng quy định.

- Tiếp tục triển khai các nội dung trong Kế hoạch cải cách hành chính của huyện, kế hoạch tuyên truyền của huyện một cách sâu rộng và đồng bộ.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ... tình hình chấp hành kỉ luật kỉ cương hành chính, tác phong làm việc, thái độ giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và tình hình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan nhà nước. Chú trọng nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng các phần mềm, phát huy hiệu quả các hình thức trao đổi thông tin qua đường điện tử; Tiếp tục triển khai và nâng cao việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I năm 2019 trên địa bàn huyện đến Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng./. *Đích*

*Nơi nhận:*

- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Phòng, ban ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC, CD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Trần Quốc Thắng*



### Biểu mẫu 1B

#### Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê[1]	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng, ban	UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	0	0	0	0	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	0	0	0	0	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật..)	0	0	0	0	0



## Biểu mẫu 2B

### Sổ liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 42 /BC-UBND, ngày 28 /02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân</b>	<b>0</b>	
-	Số văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành trong kỳ báo cáo		
-	Số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng tiến độ đã đề ra		
-	Số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định		
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>0</b>	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền		
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật		
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý		
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo		
<b>3</b>	<b>Rà soát văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>0</b>	
-	Số văn bản quy phạm pháp luật phải rà soát trong kỳ báo cáo		
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát		
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát		
-	Số văn bản quy phạm pháp luật chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		



### Biểu mẫu 3B

#### Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát thủ tục hành chính	Có	
2	Số lượng thủ tục hành chính đã công khai tại Bảng niêm yết thủ tục hành chính	269	
-	Ủy ban nhân dân xã An Ninh	114	
-	Ủy ban nhân dân xã Hồ Đắc Kiện	114	
-	Ủy ban nhân dân xã Thiện Mỹ	114	
-	Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa	114	
-	Ủy ban nhân dân xã An Hiệp	114	
-	Ủy ban nhân dân xã Phú Tân	114	
-	Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm	114	
-	Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành	114	
3	Số lượng thủ tục hành chính đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử	269	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	-	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	-	

**Biểu mẫu 4B****Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện và UBND cấp xã**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
I	<b>Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện</b>	<b>269</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>269</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	<b>Văn phòng HĐND và UBND huyện</b>	<b>2</b>				<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực Tiếp công dân	1				1				
-	Lĩnh vực xử lý đơn	1				1				
2	<b>Phòng Nội vụ</b>	<b>35</b>				<b>35</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	8				8				
-	Lĩnh vực tổ chức-biên chế	3				3				
-	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	16				16				
-	Lĩnh vực tôn giáo	8				8				
3	<b>Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội</b>	<b>19</b>				<b>19</b>	<b>0</b>			
-	Lĩnh vực lao động tiền lương, quan hệ lao động	2				2				



-	Lĩnh vực người có công	5			0				
-	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội	3			3				
-	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	9			9				
<b>4</b>	<b>Phòng Tài chính - Kế hoạch</b>	<b>40</b>			<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	5			5				
-	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã	19			19				
-	Lĩnh vực giá	1			1				
-	Lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước	5			5				
-	Lĩnh vực quản lý công sản	2			2				
-	Lĩnh vực đấu thầu	4			4				
-	Lĩnh vực kế toán, kiểm toán	4			4				
<b>5</b>	<b>Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>23</b>			<b>23</b>				
-	Lĩnh vực môi trường	2			2				
-	Lĩnh vực đất đai	15			15				
-	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	6			6				
<b>6</b>	<b>Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>3</b>			<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực nông nghiệp	2			2				
-	Lĩnh vực thủy sản	1			1				
<b>7</b>	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>36</b>			<b>36</b>				
-	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	36			36				
<b>8</b>	<b>Phòng Văn hoá và Thông tin</b>	<b>18</b>			<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	4			4				
-	Lĩnh vực xuất bản, In và Phát hành	2			2				
-	Lĩnh vực thư viện	1			1				
-	Lĩnh vực văn hóa quần chúng, văn hóa dân tộc và	4			4				
-	Lĩnh vực gia đình	6			6				



-	Lĩnh vực viễn thông và Internet	1				1				
<b>9</b>	<b>Phòng Tư pháp</b>	<b>36</b>				<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực chứng thực:	12				12				
-	Lĩnh vực hộ tịch:	16				16				
-	Lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật	2				2				
-	Lĩnh vực bồi thường nhà nước:	6				6				
<b>10</b>	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng</b>	<b>49</b>				<b>49</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	12				12				
-	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9				9				
-	Lĩnh vực đường bộ	2				2				
-	Lĩnh vực xây dựng	5				5				
-	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao	1				1				
-	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	1				1				
-	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng	16				16				
-	Lĩnh vực Kinh doanh khí (khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)	3				3				
<b>12</b>	<b>Thanh tra huyện</b>	<b>8</b>				<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	2				2				
-	Lĩnh vực phòng chống tham nhũng	5				5				
-	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	1				1				
<b>II</b>	<b>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</b>	<b>114</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>112</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
-	Lĩnh vực Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	1				1				
-	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	8	0			8				
-	Lĩnh vực Người có công	6				6				
-	Lĩnh vực Thể dục Thể thao	1				1				
-	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	1				1				

-	Lĩnh vực Thư viện	1				1				
-	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	4	0			4				
-	Lĩnh vực Con nuôi	2				2				
-	Lĩnh vực Hộ tịch	19				17	2		2	
-	Lĩnh vực Chứng thực	11				11				
-	Lĩnh vực Hành chính tư pháp	1				1				
-	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	2	0			2				
-	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	1				1				
-	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1				1				
-	Lĩnh vực Tiếp công dân	1				1				
-	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	1				1				
-	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	5				5				
-	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	4				4				
-	Lĩnh vực Đất đai	1				1				
-	Lĩnh vực đường thủy nội địa	9				9				
-	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1				1				
-	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	1				1				
-	Lĩnh vực Môi trường	6				6				
-	Lĩnh vực Phát triển công nghiệp và thương mại địa phương	1				1				
-	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	5				5				
-	Lĩnh vực Dân tộc	3				3				
-	Lĩnh vực Tôn giáo	10				10	0			
-	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	5				5				
-	Lĩnh vực Trồng trọt	1				1				
-	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	1				1				
<b>Tổng số = (I) + (II)</b>		<b>383</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>381</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>

Biểu mẫu 5B



**Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp**  
 (Ban hành kèm theo Ban cáo số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn[1]	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn[2]		
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện			5,454		5,374					38	

Biểu mẫu 6B

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 42 /BC-UBND, ngày 28 / 02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)



STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện			Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú	
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm		Đã tinh giản
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn[4]			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn [5]					
I	UBND cấp huyện	12		3		3		27				88		3	2	
II	UBND cấp xã							18				167				
1	An Ninh							3				23				
2	Thuận Hòa							1				18				
3	Phú Tâm							3				23				
4	Phú Tân							2				21				
5	An Hiệp							3				22				
6	Thiện Mỹ							2				19				
7	Hồ Đắc Kiên							2				20				
8	TT Châu Thành							2				21				
Tổng số = (I) + (II)		12	0	3	0	3	0	45	0	0	0	255	0	3	2	0





**Biểu mẫu 8B**

**Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại các đơn vị, địa phương**  
(Bản hành kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	12	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	



### Biểu mẫu 9B

#### Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại UBND huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 402/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thông kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	75	0	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ	75	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	1	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	74	0	







**Biểu mẫu 11B**

**Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích tại các đơn vị, địa phương**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	UBND cấp huyện	0	0	0	
II	UBND cấp xã	0	0	0	
Tổng					

Biểu mẫu 12

Thông kê tình hình cập nhật kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)



STT	Nội dung thống kê[1]	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
<b>Tổng cộng</b>		4,870	4,818	38	
1	Bộ phận 1 cửa huyện	662	660	2	
2	Xã Hồ Đắc Kiện	725	711	14	
3	Xã Phú Tân	828	828		
4	Xã An Ninh	546	543		
5	Xã Phú Tân	492	461	20	
6	Thị trấn Châu Thành	872	872		
7	Xã Thuận Hòa	283	283		
8	Xã Thiện Mỹ	462	460	2	

Biểu mẫu 13B



Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng  
theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại UBND huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống</b>		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
<b>II</b>	<b>Duy trì, cải tiến hệ thống</b>		
1	Thực hiện công bố lại ISO		
2	Thực hiện đánh giá nội bộ		
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng		
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng		
5	Nội dung khác		



**Biểu mẫu 14**

**Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số : 42/BC-UBND, ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết			
<i>I</i>	<i>Cấp huyện</i>	0	0		0		
<i>II</i>	<i>Cấp xã</i>	0	0		0		